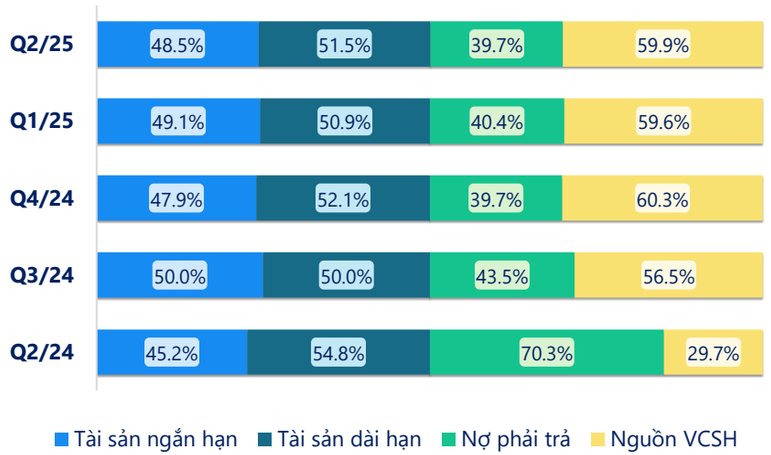
FireAnt

CTCP The Golden Group (UPCOM: TGG)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	2,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
SL cổ phiếu LH	27,299,990
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	63
P/E	-14.4
EPS	-160

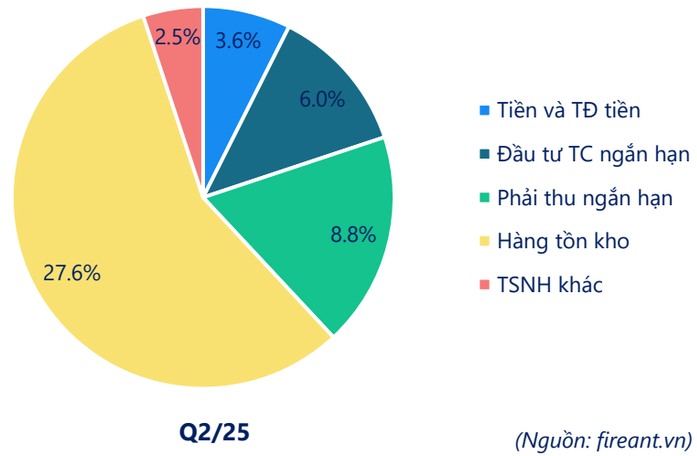
	YTD	1T	3T	6T
TGG	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



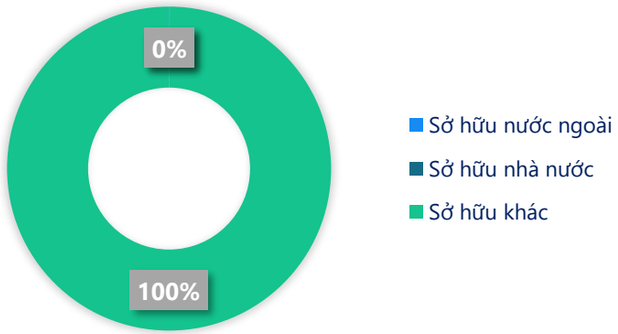
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



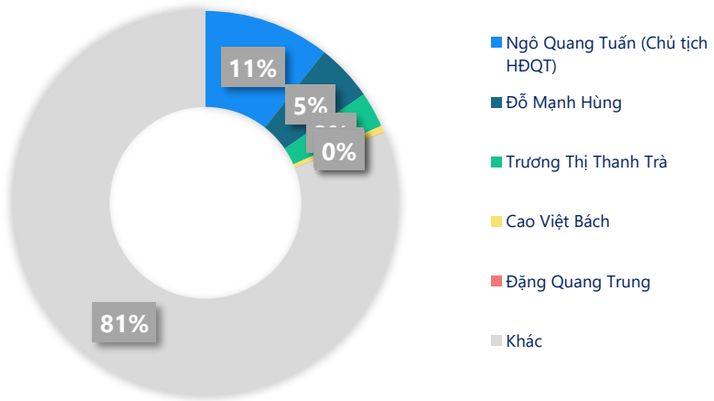
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



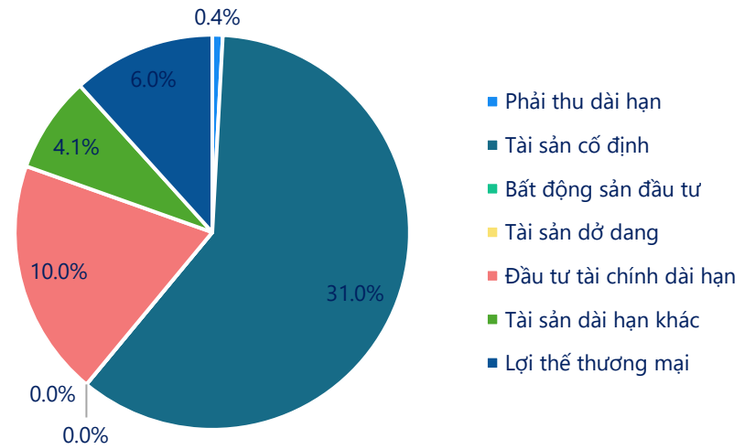
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

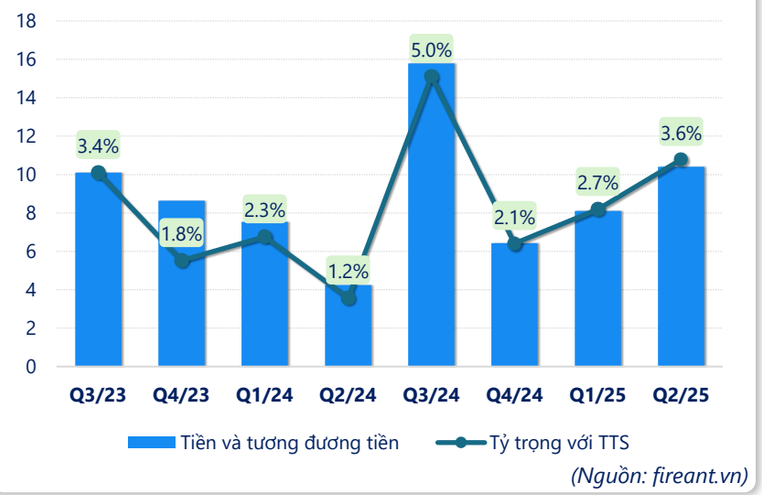


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

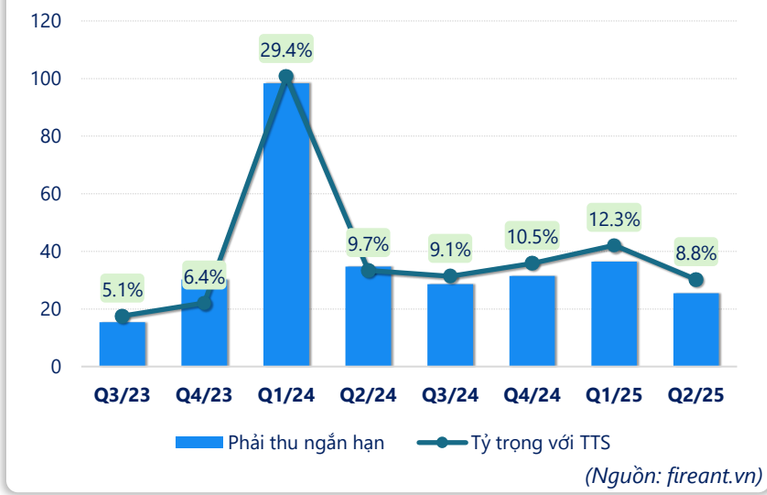
CTCP The Golden Group (UPCOM: TGG)

Tiền và tương đương tiền



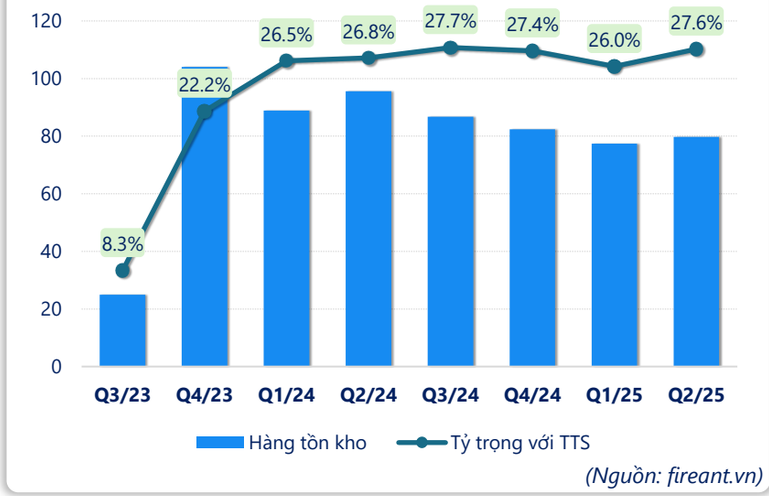
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



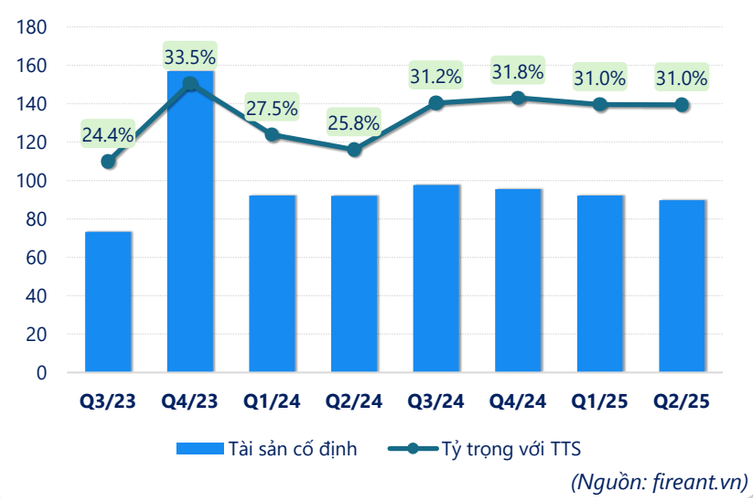
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



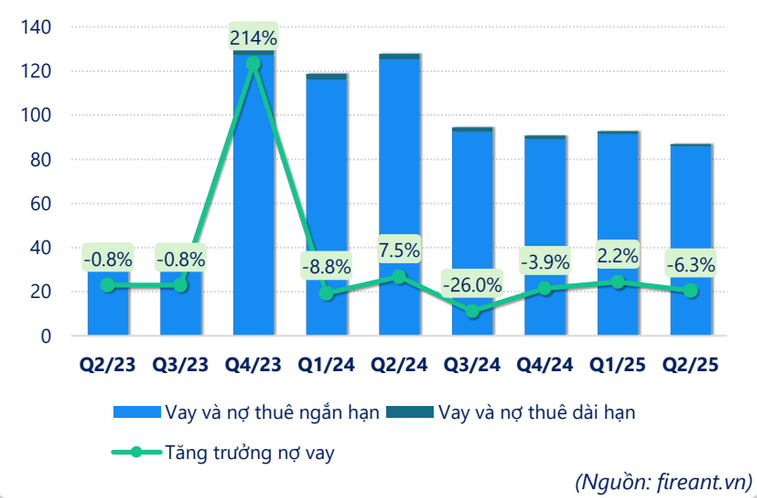
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



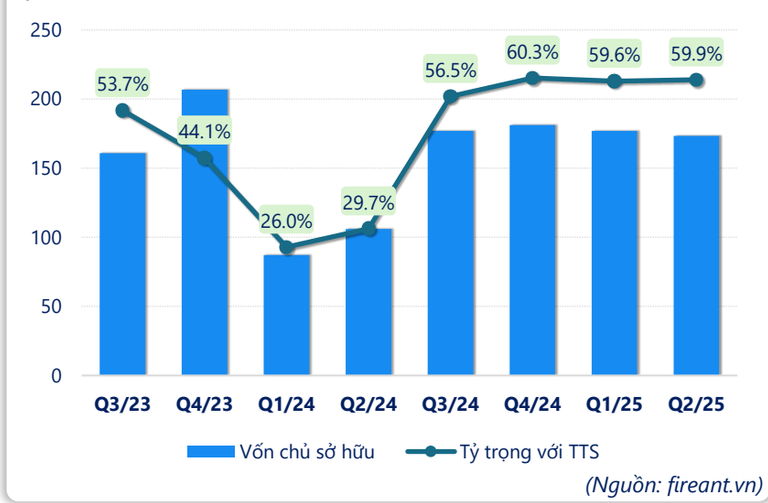
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

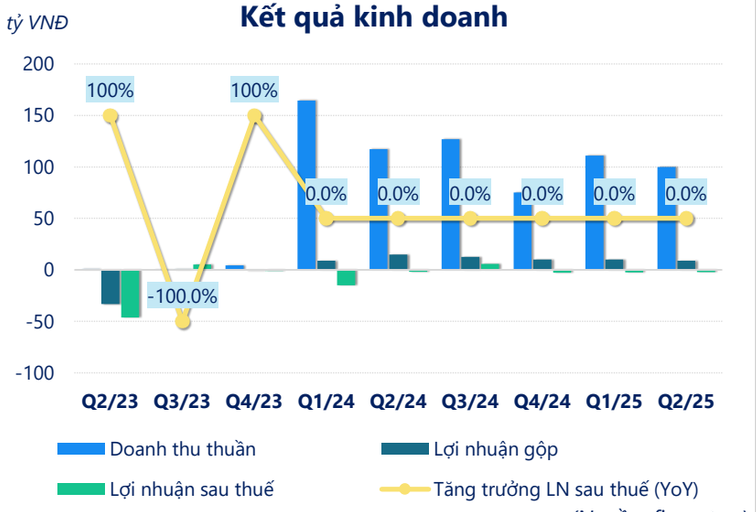
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

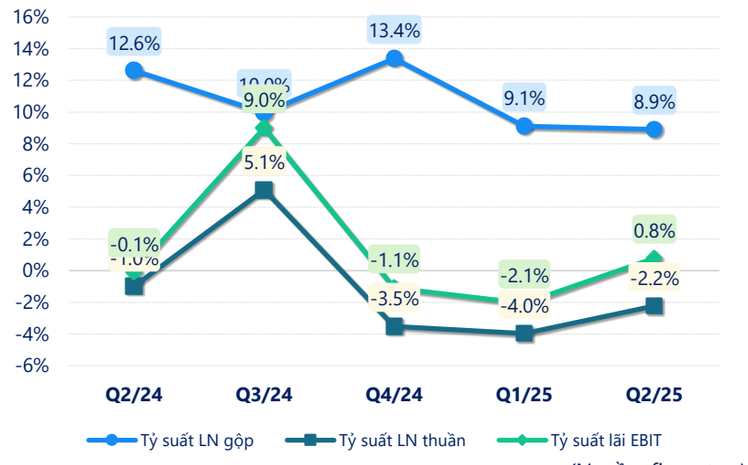
CTCP The Golden Group (UPCOM: TGG)

Kết quả kinh doanh



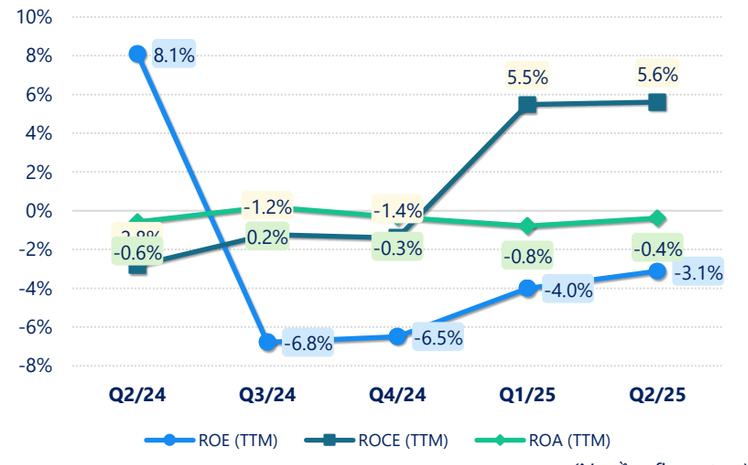
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



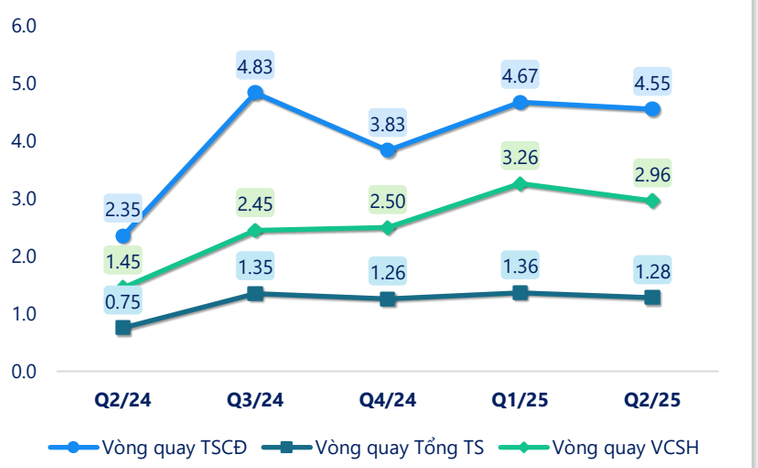
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



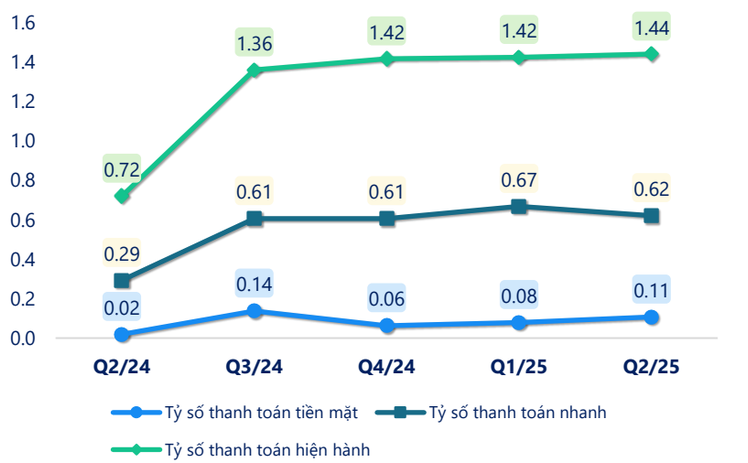
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



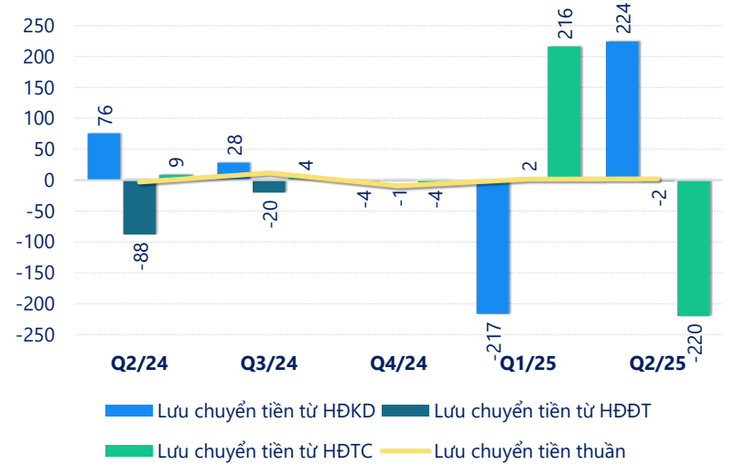
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP The Golden Group (UPCOM: TGG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**289**	**301**	**-3.7%**
Tài sản ngắn hạn	140	144	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	10.4	6.42	62.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.5	17.2	1.4%
Phải thu ngắn hạn	25.5	31.4	-18.9%
Hàng tồn kho	79.7	82.4	-3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	7.11	6.54	8.8%
Tài sản dài hạn	**149**	**157**	**-4.8%**
Phải thu dài hạn	1.27	1.26	0.2%
Tài sản cố định	89.7	95.5	-6.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	29.0	28.6	1.1%
Tài sản dài hạn khác	**11.7**	**11.7**	**0.8%**
Lợi thế thương mại	17.4	19.5	-10.6%
Nợ phải trả	115	119	-3.8%
Nợ ngắn hạn	**97.3**	**102**	**-4.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	85.9	89.0	-3.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.04	5.26	-23.1%
Nợ dài hạn	17.5	17.8	-1.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.05	1.75	-40.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**173**	**181**	**-4.3%**
Vốn chủ sở hữu	**173**	**181**	**-4.3%**
Vốn điều lệ	273	273	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	117	127	75.2	111	99.9
Giá vốn hàng bán	102	114	65.1	101	91.0
Lợi nhuận gộp	14.8	12.7	10.1	10.1	8.90
Doanh thu HĐTC	0.31	0.01	0.79	0.02	0.70
Chi phí TC	1.53	4.50	-0.99	1.10	1.67
Chi phí lãi vay	1.53	4.50	1.50	0	2.77
LN trong công ty LKLD	0.06	0.06	0.04	0.10	0.04
Chi phí bán hàng	6.46	7.93	8.80	7.11	7.18
Chi phí QLDN	8.33	-6.18	5.72	6.44	3.01
LN thuần từ HĐKD	-1.15	6.47	-2.65	-4.40	-2.22
Lợi nhuận khác	-0.47	0.46	0.32	2.12	0.23
LN trước thuế	-1.63	6.93	-2.33	-2.28	-1.99
Lợi nhuận sau thuế	-1.81	5.74	-2.81	-2.34	-2.18
LNST của CĐ cty mẹ	-2.17	0.62	-1.27	-2.48	-1.23

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	75.5	28.0	-4.21	-217	224
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-87.7	-19.9	-1.42	2.02	-1.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.91	3.52	-3.73	216	-220
Tiền đầu kỳ	7.54	4.25	15.8	6.42	8.10
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.29**	**11.5**	**-9.36**	**1.68**	**2.30**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.25	15.8	6.42	8.10	10.4

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic